

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI**Kỳ thi:** Đánh giá năng lực Tiếng Anh (trình độ tương đương B2)**Phòng thi:** B1.403**Môn thi:** Kỹ năng nghe**Ca thi:** 9h45**Ngày thi:** 16/12/2020

TT	SBD	Họ và tên		Năm sinh	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	TA0057	Phạm Trung	Kiên	09/11/1996			
2	TA0058	Phan Tùng	Dương	21/06/1999			
3	TA0059	Phạm Trung	Hải	27/11/1998			
4	TA0060	Nguyễn Đình	Huy	10/12/1997			
5	TA0061	Nguyễn Thị	Thư	15/08/1997			
6	TA0062	Lê Ngọc	Minh	25/08/1998			
7	TA0063	Nguyễn Quang	Trung	02/01/1998			
8	TA0064	Trần Văn	Mạnh	17/03/1998			
9	TA0065	Trần Đỗ Ngọc	Nghĩa	16/08/1998			
10	TA0066	Nguyễn Ngọc	Nam	28/12/1998			
11	TA0067	Nguyễn Đăng	Tuấn	16/09/1998			
12	TA0068	Nguyễn Văn	Quang	16/02/1998			
13	TA0069	Nguyễn Văn	Dương	17/10/1998			
14	TA0070	Phùng Hà	Minh	04/05/1997			
15	TA0071	Trần Thị Mai	Lan	25/05/1998			
16	TA0072	Lê Diễm	Quỳnh	20/09/1998			
17	TA0073	Nguyễn Đức	Trí	03/01/1998			
18	TA0074	Trịnh Ngô Hoàng	Hải	11/04/1998			
19	TA0075	Đoàn Xuân	Khanh	22/03/1998			
20	TA0076	Phạm Như	Hoàng	26/08/1998			
21	TA0077	Ngô Hồng	Sơn	03/08/1998			
22	TA0078	Nguyễn Gia	Thắng	09/08/1998			
23	TA0079	Đào Ngọc Hương	Quỳnh	23/09/1997			
24	TA0080	Nguyễn Thiên	Nga	01/06/1998			
25	TA0081	Nguyễn Tuấn	Biên	20/6/1997			
26	TA0082	Nguyễn Hữu	Lợi	11/12/1997			
27	TA0083	Hoàng Quốc	Dũng	18/01/1998			
28	TA0084	Nguyễn Văn	Luận	24/11/1998			

TT	SBD	Họ và tên		Năm sinh	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
29	TA0085	Hoàng Xuân	Huy	21/08/1998			
30	TA0086	Nguyễn Ngọc	Nam	28/12/1998			
31	TA0087	Nguyễn Trọng	Hùng	20/12/1997			
88	TA0088	Nguyễn Phú	Trọng	01/05/1997			
89	TA0089	Lê	Hoành	02/06/1997			

Tổng số thí sinh theo danh sách:Tổng số thí sinh có mặt:.....

Tổng số bài thi:.....Tổng số tờ giấy thi:.....

Cán bộ coi thi thứ nhất
(ký ghi rõ họ tên)

Cán bộ coi thi thứ hai
(ký ghi rõ họ tên)